

*Tặng những người
yêu Đà Nẵng*

Trăng đã nhú trên đầu ngọn gió
Núi Ngũ Hành có mấp mảy làm duyên
Sông hiền lành lững lờ tìm đến biển
Đẩy thuyền trôi ai múc ánh trăng liềm?

Lời tựa

*K*hi viết những dòng này tôi cũng vừa đi đến quyết định gửi bản thảo đầu tiên của mình đến một nhà xuất bản. Nó có được chọn để in hay không còn ở phía trước.

Tôi từng học chuyên Sử và cũng có kha khá thành tích trong các kỳ thi học sinh giỏi thời trung học. Nhưng cuộc đời đã rẽ sang một hướng khác, khi tôi trở thành sinh viên ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng. Sau khi ra trường, tôi tiếp tục làm việc nhiều năm trong lĩnh vực công nghệ. Công việc hằng ngày của tôi chủ yếu liên quan đến những con số, những hệ thống, những bài toán về hiệu năng và các giải pháp kỹ thuật. Thế nhưng, ở đâu đó trong mình, cậu học trò mê lịch sử năm nào vẫn chưa bao giờ thực sự rời đi. Tôi luôn muốn viết một câu chuyện nơi công nghệ và lịch sử có thể gặp nhau. Ý nghĩ ấy theo tôi rất lâu, cho đến một ngày nó trở thành hạt mầm của cuốn tiểu thuyết này.

Viết văn là một hành trình dài và cô độc, nhất là với một người đã quen tư duy bằng logic nhiều hơn cảm xúc. Chuyển những ý niệm trong đầu thành câu chữ có nhịp điệu và hơi thở khó hơn tôi từng tưởng tượng rất nhiều. Có những ngày tôi chỉ viết được vài dòng rồi xóa sạch. Có những chương phải viết đi viết lại hàng chục lần. Từ những ghi chép đầu tiên cho đến bản thảo hôm nay, tôi đã đi cùng cuốn sách này hơn ba năm.

Tôi sẽ không thể đi hết chặng đường này nếu không có những người luôn lặng lẽ đứng phía sau mình. Cảm ơn vợ tôi, người đã kiên nhẫn lắng nghe vô số lần tôi than phiền vì một nút thắt cốt truyện không thể gỡ, và vẫn luôn tin rằng rồi tôi sẽ viết xong. Cảm ơn con trai bảy tuổi của tôi, cậu bé gần như tối nào cũng ghé đầu vào phòng làm việc để hỏi bằng giọng trong veo: “Ba ơi, ba viết xong chưa?” Có lẽ con trai tôi không biết rằng chính những câu hỏi giản dị ấy đã nhiều lần giữ tôi ngồi lại trước màn hình khi tôi đã định gập máy tính và bỏ cuộc.

Đà Nẵng không phải nơi tôi sinh ra, nhưng là quê hương thứ hai của tôi. Toàn bộ tuổi trưởng thành của tôi đã đi qua trên mảnh đất này. Tôi yêu thành phố với những cây cầu bắc qua sông Hàn, yêu năm ngọn núi đá vươn lên giữa lòng đô thị, yêu biển, yêu gió và trên hết là những con

người chân thành mà tôi may mắn được gặp. Tình yêu ấy có lẽ khác với tình yêu của một người bản địa như vợ tôi. Đó là tình yêu của một người đã được vùng đất này cứu mang, cho một mái ấm, một gia đình và một nơi để thuộc về. Nếu cuốn sách này có thể xem như một lời cảm ơn, thì lời cảm ơn lớn nhất tôi muốn gửi chính là đến Đà Nẵng.

Quá trình viết cuốn tiểu thuyết này cũng là hành trình tôi học lại từ đầu. Tôi trở về với những tác phẩm kinh điển của văn học thế giới, đồng thời đọc lại các bậc thầy của văn chương Việt Nam để nhắc mình rằng tiếng Việt có thể đẹp và sâu sắc đến nhường nào. Tôi cũng dành rất nhiều thời gian tìm hiểu về lịch sử, khảo cổ, kiến trúc, văn hóa, đời sống.

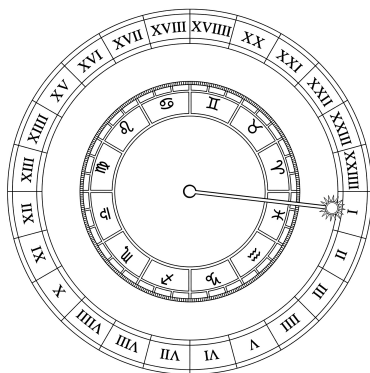
Hơn ba năm, tôi đã sống cùng các nhân vật của mình. Tôi vui, tôi buồn, tôi đau cùng họ. Đến hôm nay, khi bản thảo chuẩn bị rời khỏi bàn làm việc để đến với những người đọc đầu tiên, tôi chỉ mong cuốn sách này có thể mang lại cho ai đó một vài giờ đồng hồ đáng nhớ, hoặc đơn giản là một chút lặng yên giữa nhịp sống quá nhiều vội vã.

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

Tác giả

Lưu ý

Tác phẩm này là tiểu thuyết hư cấu. Các địa danh, các nhân vật lịch sử được xây dựng dựa trên tư liệu lịch sử kết hợp với trí tưởng tượng của tác giả. Mọi lời thoại và tình huống hư cấu không nhằm đại diện cho sự thật lịch sử tuyệt đối.



Tiếng một đứa trẻ khóc dai dẳng từ cuối khoang. Người đàn ông ngồi cạnh cửa sổ vẫn bình thản gặm hết ổ bánh mì heo quay. Mỡ dính vào bộ râu quai nón mà ông ta chẳng buồn lau. Phía trước, một bà cụ lực lợi cuốn tạp chí của hãng bay cùng vài tờ áp phích quảng cáo du lịch mùa đông nhưng tông màu vàng, được nhét trong túi ghế. Tôi nhìn lâu quá, bà ngẩng lên lườm tôi một cái, nói gì đó bằng thứ tiếng tôi không hiểu.

Dung ngủ từ lúc máy bay cất cánh. Chiếc túi xách màu kem đặt bên cạnh ghế, lủng lẳng một chiếc charm nhỏ. Phần trên của chiếc charm là chú mèo may mắn làm bằng sứ trắng. Tai trái màu cam. Tai phải màu đen. Phần dưới là một tấm thẻ đã mé một góc được buộc lại bằng sợi dây đồng.

Cuốn sách vẫn mở trên đùi cô. Bàn tay che gần hết trang giấy, chỉ còn lộ ra vài ký hiệu của ngôn ngữ Maya phần chú thích cuối trang. Tôi đã đọc cuốn lịch sử Mỹ La-tinh này, ngủ gật trên bàn thư viện đường Trần Phú sau ba mươi lăm trang. Tỉnh dậy, tôi đọc lướt mục lục, lật vài trang ở nửa sau, ghi nhớ vài ý chính, rồi quay về nhóm đề tài với vẻ am hiểu đáng ngờ: “Lịch sử Mỹ La-tinh giống một thành phố cổ bị chôn dưới nhiều lớp đất...” Thăng Vĩnh béo bắt thóp tôi ‘chém gió’, nhưng nó giả vờ im lặng để được tôi đãi châu cà phê sáng hôm sau.

Không biết có trùng hợp không, mỗi lần tôi dùng ‘trí khôn’ theo cách ấy thì nhân quả đến với tôi rất nhanh. Nếu không bị ai phát hiện thì xe máy bị thủng xăm. Nếu bị phát hiện mà tôi bao biện được, thì tôi rơi ví. Riêng lần này, tôi nhận giấy báo trúng tuyển.

Trong buổi phỏng vấn học bổng sinh viên xuất sắc năm cuối, những người trước lần lượt nói về di sản, bản sắc văn hóa, trách nhiệm của thế hệ trẻ. Ngồi chờ ngoài hành lang, dưới tán cây bàng mà lũ sâu róm đáng ghét đang đua nhau gặm lá non, tôi nhận ra mình chẳng ‘thủ’ được bài tử nào. Khi vào phòng, tôi vớ đại một chủ đề mơ hồ:

khoảng trống. Tôi dùng những kiến thức mà tôi giỏi nhất để phù phép thêm cho nó.

“Em thích những gì đã biến mất hơn những gì còn lại. Dữ liệu bị mất thường quan trọng hơn dữ liệu còn tồn tại. Và vấn đề lớn nhất của lịch sử là nó không có nút Debug để sửa lỗi.”

Người đàn ông bụng lớn cười trước. Tôi đồ là đã hỏng. Nhưng người phụ nữ tóc đỏ lại nghiêm túc sau một câu đùa:

“Em có chắc mình không ngồi nhầm hội đồng tuyển sinh ngành công nghệ?”

“Em nghĩ là không.”

“Thế nếu lịch sử có nút Debug thì sao?”

“Chúng ta sẽ biết ai đã sửa nó.”

Ba tuần sau, khi tôi vừa bước tới hành lang giảng đường thì thằng Vĩnh đã hét hải chạy tới: “Ê, mày được giới thiệu riêng luôn à?” Tôi còn chưa kịp hiểu nó nói gì thì cô chủ nhiệm đã bước tới chúc mừng và đưa tôi lá thư. Kéo xuống dòng cuối tôi vẫn không tin nổi vào mắt mình: “*Your profile was specifically recommended for this program.*”¹

Xuyên qua ô cửa sổ hình bầu dục là bầu trời đêm mênh mông trải dài. Thỉnh thoảng lại lóe lên ánh

¹ Your profile was specifically recommended for this program: Hồ sơ của bạn được đề cử đặc biệt cho chương trình này.

đèn từ những thành phố xa lạ bên dưới. Trên độ cao này, những con đường chỉ còn là những vệt sáng mỏng. Những khu dân cư co lại thành từng cụm đèn vàng. Vài trăm con người trong khoang máy bay đang chia sẻ cùng nhau một khoảng không chật hẹp giữa bầu trời, rồi vài giờ sau sẽ biến mất khỏi cuộc đời nhau, có lẽ là mãi mãi.

Tôi nghĩ về ba. Giờ này ông đang làm gì? Lúc tiền tôi ở sân bay, ông ngồi trên chiếc xe lăn cũ với đôi bánh đã mòn vẹt nhưng quả quyết không cho thay. Thậm chí cái gác chân đã hỏng tôi phải chế ra bằng cách buộc một sợi dây cáp xin được từ một anh kỹ thuật viên sửa mạng internet. Ông dõi theo tôi cho đến khi khuất hẳn sau cổng kiểm soát. Con tai biến sáu năm trước lấy đi sức khỏe và một phần giọng nói của ông. Chỉ đôi mắt vẫn vậy.

Một năm với tôi chỉ hai học kỳ, nhưng chiếc xe lăn cũ kỹ đó còn chờ được bao lâu. Hai tháng trước, trong một buổi chiều ngồi trên ban công nhìn những vệt nắng cuối cùng trôi dần xuống núi Ngũ Hành Sơn, tôi nói mình không yên tâm khi phải đi lâu như vậy.

Ông chỉ cười. “Ba sẽ chờ.”

Rồi như thể chuyện đó chẳng đáng để bận lòng, ông đánh lảng qua một vấn đề hết sức thời sự là chiến tranh leo thang ở Trung Đông.

“Con có biết vì sao con người thích đánh nhau không?”

Tôi nhớ mình đã đưa ra đủ mọi đáp án. Lợi ích. Tài nguyên. Tôn giáo. Ý thức hệ.

Ông lắc đầu. “Vì họ nghĩ mình đúng.”

Nói xong ông châm nước vào ấm trà đã nguội.

Ba tôi muốn tôi học lịch sử. Tôi lại mê lập trình. Sở thích này không phải hình thành từ lúc tôi mới sinh vì tôi nghe kể lại rằng vào lễ thôi nôi, tôi đã bỏ qua chiếc bút của nhà giáo, chiếc ống nghe của bác sĩ để chọn một cây đàn. Lúc đó ai cũng nói tôi lớn lên sẽ lãng mạn giống ba.

Vậy mà mỗi lần giỗ mẹ, một trong các chủ đề yêu thích của các dì đảng ngoại và các cô đảng nội là xác nhận lại tôi giống ai. Các dì bảo tôi thông minh giống mẹ. Các cô lại bảo tôi sáng dạ giống ba. Ba tôi không nói gì. Thậm chí cái ngày tôi đậu vào Chuyên toán tin Lê Quý Đôn ông cũng chỉ xoa đầu khen một câu cụt lủn “khá đấy”.

Lớp mười một, tôi viết một chương trình quản lý cửa hàng trái cây cho cô. Cuối ngày, cô chỉ cần bấm vài nút là biết hôm đó bán được bao nhiêu, còn tồn bao nhiêu, trái nào nên chuyển từ loại một xuống loại hai. Cô xách một giỏ trái cây qua

nhà, khen tôi với ba. Ba nhận giỏ trái cây rồi đặt lên bàn.

Tôi từng cãi ông rằng loài người đặt chân lên Mặt Trăng không phải nhờ lịch sử. Con tàu Voyager 1 đang rời khỏi Hệ mặt trời cũng không mang theo một sử gia nào. Vậy tại sao phải dành cả đời để đào bới quá khứ? Tôi chờ ông phản bác. Nhưng ông lại im lặng rất lâu rồi nói một câu chẳng liên quan. “Cây càng to thì rễ càng sâu. Muốn đi lên phải tập cách nhìn xuống.”

“Trung!” Tiếng Dung làm tôi giật mình và kéo tôi trở lại khoảng máy bay. Bạn đồng hành của tôi là sinh viên mà thầy cô Khoa lịch sử thường đem ra làm ví dụ.

Khoa lịch sử có bốn khóa, tám lớp, mỗi lớp vền vền bốn mươi lăm sinh viên. Năm nào tuyển đủ chỉ tiêu đầu vào thì cả khoa ăn mừng. Tôi với Dung dù khác lớp nhưng thực tế hai lớp ngồi chung một phòng học giảng đường.

“Cậu nghĩ Paris sẽ như thế nào?”

“Thì cũng giống những thành phố khác thôi.Ồn ào. Tắc đường. Ai lo phần nấy.”

“Cậu đúng là hết thuốc chữa.”

“Tớ vẫn khỏe.”

“Ý tớ là tâm hồn.”

“Tớ chưa thấy bác sĩ nào chẩn đoán phần đó.”

Dung lắc đầu, quay ra cửa sổ. “Cậu không tò mò thật à? Tớ nghi cậu là người duy nhất trên máy bay này xem Paris như một tọa độ.”

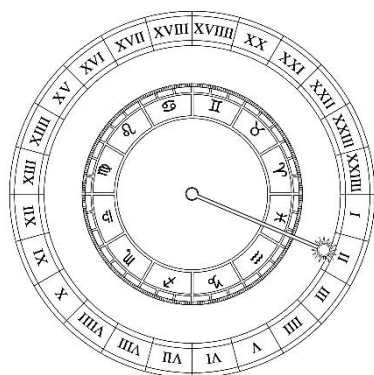
“Cũng giống như tớ từng nghi ngờ khả năng đặc biệt của cậu khi chạm vào cổ vật.”

“Khác chứ. Thư viện. Bảo tàng. Quảng trường. Tháp Eiffel. Những bản thảo hàng trăm năm tuổi. Những hành lang dài hun hút. Những pho tượng đá. Tiếng chuông nhà thờ...” Giọng Dung nhỏ dần. Tôi nghe thêm được vài câu trước khi giấc ngủ kéo đến.

“Kính thưa quý khách, chúng ta đang chuẩn bị hạ cánh xuống sân bay Charles de Gaulle...”

Tôi mở mắt. Bầu trời bên ngoài đã đổi màu. Không còn là màu đen của đêm, cũng chưa phải màu xanh của ngày. Một khoảng chuyển tiếp mờ nhạt giữa hai trạng thái. Máy bay hạ dần độ cao. Paris hiện ra dưới những tầng mây. Những mái nhà nối tiếp nhau đến tận đường chân trời. Những đại lộ cắt nhau thành những hình học hoàn hảo tạo ra cảm giác trật tự.

Tôi đến thành phố này để tìm kiếm điều gì?



Ngay khi bước ra khỏi nhà ga Charles de Gaulle, một luồng khí lạnh buốt luồn vào cổ áo khiến tôi vô thức kéo chặt khóa áo. Dung thì ngược lại. Cô đứng yên giữa khoảng trời hít một hơi thật sâu như muốn nuốt trọn không khí Paris vào lòng.

Ở khu vực đón khách, một người đàn ông đứng cạnh tấm bảng ghi tên hai chúng tôi. Anh ta trạc bốn mươi, cao lớn, mặc áo măng tô xám tro. Tự giới thiệu tên là François đến từ phòng hỗ trợ sinh viên quốc tế. Anh bắt tay từng người. Bàn tay anh lạnh ngắt.

Ra đến xe, Dung làm rơi thời son. Nó lăn sát vào bánh trước. François cúi xuống nhặt giúp cô. Cổ áo măng tô trượt khỏi gáy để lộ một hình xăm nhỏ ngay dưới chân tóc, là một vòng tròn bị một

nét thẳng xuyên qua tâm. Trong tích tắc anh đứng lên, cổ áo trở về vị trí cũ.

Chiếc xe nhãn hiệu sư tử rời khỏi sân bay khi bầu trời vẫn chưa sáng hẳn. Thành phố xuất hiện từng chút một sau lớp kính. Không có tòa nhà nào cổ nổi bật hơn tòa nhà nào. Chúng nối tiếp nhau bằng cùng một cao độ, cùng màu đá nhạt và những hàng cửa sổ đều đặn. Tôi nhìn mãi mà chẳng biết mình vừa đi ngang qua căn nào.

Những ô cửa chớp ở Paris hẹp và khép kín hơn, cả mái hiên cũng không vươn dài như ở những biệt thự cũ khu Hải Châu xây từ thời Tourane. Ba tôi từng bảo, mọi thứ mang từ nơi khác đến muốn tồn tại được đều phải tập cách thích nghi.

Trong lúc tôi mãi đếm những chiếc taxi màu vàng, cái màu taxi từng phủ khắp các con đường Đà Nẵng rồi đột nhiên biến mất vào một ngày không ai để ý, Dung kéo tay tôi và liên tục chỉ ra ngoài: “Nhìn kìa, Trung! Cái tháp, nhà thờ, quảng trường...”

Xe chạy qua một cây cầu bắc ngang sông Seine. Nước sông sẫm màu, khác hẳn nước sông Hàn vốn óng ánh vào mùa hè và đục ngầu mỗi mùa mưa. Suốt mấy cây số, tôi không thấy chiếc xe máy nào. Những quán cà phê bắt đầu đón những vị khách đến sớm, nhiều người đi xe đạp và dừng ngay trên vỉa hè.

François tranh thủ giới thiệu vài tòa nhà, vài con phố. Có lúc anh còn chưa kịp nói xong, Dung đã chỉ sang phía bên kia đường.

Tôi nhìn ra cửa kính rồi mới buột miệng.

“Anh là người Paris à?”

“Không. Grenoble. Dưới chân dãy Alps. Sau đó tôi sống ở Lyon, Toulouse rồi sang San Jose hai năm.”

“San Jose khác gì so với Paris không?”

“Hai năm ở San Jose. Đủ để tôi quen uống cà phê mang đi và quên cách ăn trưa tử tế. San Jose phù hợp cho những người muốn vào hang bắt cọp. Còn tôi thích nơi người ta vẫn còn ngồi ăn trưa.”

“Tôi ước một ngày sẽ đến San Jose và thung lũng Silicon.”

François nhìn tôi qua kính chiếu hậu.

“Thế cậu không biết rồi, Paris trông cổ kính thế thôi chứ cũng có những công ty công nghệ hàng đầu thế giới đấy. Do đặc thù ngành nên họ không phô trương ra ngoài thôi.”

Ký túc xá của trường nằm trong một khuôn viên rộng, tách khỏi sự ồn ào của thành phố. Lối vào lát đá cũ. Những hàng cây trụi lá đứng im dọc hai bên đường. Tòa nhà mang kiến trúc cổ điển Pháp với

những ô cửa vòm cao, ban công sắt rèn, vài chậu păng-xê còn sót lại vài bông đỏ như thể chúng từ chối rời đi cùng phần còn lại của mùa thu.

Phòng của tôi và Dung nằm cạnh nhau, cuối hành lang tầng ba. Căn phòng nhỏ, đủ một chiếc giường, một cái bếp, bàn học và giá sách. Trên giá vẫn còn sách của người ở trước, có quyển gạch chân kín lề, có quyển nhét những mẫu giấy ghi chú không tên không ngày tháng, viết lung chừng thì bỏ lửng.

Trên tường treo vài tấm áp phích cũ về nghệ thuật và lịch sử, mép giấy cong lên theo năm tháng. Có một bức tranh tên là 'The Fake'. Một khuôn mặt bị kéo méo, hốc mắt lệch, miệng mở quá rộng, được chia đôi bởi một đường thẳng chạy dọc sống mũi. Hai nửa như thuộc về hai khuôn mặt khác nhau. Nửa bên trái phối màu sáng. Nửa bên phải phối màu tối hơn.

“Cái quái gì vậy?” Tôi không rõ tôi có quyền gõ nó xuống không.

Ổ cắm điện dùng chuẩn E, may mà tôi đã chuẩn bị bộ chuyển đổi để sẵn trong ba lô. Sau gần một phút, kết nối Wi-Fi thành công, vai tôi mới chịu hạ xuống.

Dung xuất hiện ở cửa. “Để tớ đoán việc đầu tiên cậu làm khi đến Paris. Cậu kiểm tra Wi-Fi, đúng không?”

“Trúng phóc luôn. Tớ vừa xác nhận nền văn minh vẫn hoạt động.”

Dung đảo mắt. “Có lúc nào cậu sống trong thế giới thật không vậy?”

“Khi mất internet.” Tôi nói nửa thật nửa đùa.

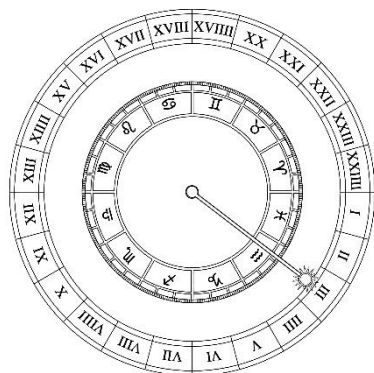
Dung lắc đầu rồi trở về phòng. Ít phút sau, tôi nghe tiếng cửa sổ mở. Giọng Dung vọng qua.

“Trung! Ra đây xem.” Tôi gấp máy đứng dậy.

Ánh nắng nhạt phủ lên những mái ngói xám. Phía dưới là một khu vườn nhỏ, những cành cây khẳng khiu lay nhẹ trong gió. Một con chim cổ đỏ đáp xuống lan can, nghiêng đầu nhìn quanh rồi vụt bay đi, như thể chỉ ghé qua để chắc chắn rằng chúng tôi đã đến nơi.

“Tuyệt quá...” Dung reo lên.

Tôi nhìn về phía những mái nhà trải dài dưới bầu trời mùa đông. Hơi thở tôi tan thành những làn sương mỏng.



*H*ai hôm sau, tôi và Dung có buổi gặp đầu tiên với giáo sư hướng dẫn.

Chúng tôi ăn sáng ở một quán nhỏ gần ký túc xá, loại quán mà người Paris ghé vào như một thói quen không cần nhìn thực đơn. Dung gọi cà phê au lait và bánh sừng bò. Loại bánh thường thấy trong các bữa sáng khách sạn mà tôi chỉ ăn khi không còn món nào khá khẩm hơn. Dung bẻ chiếc bánh thành từng mẫu, xếp ngay ngắn trên đĩa rồi cứ xoay chiếc thìa trong ly cà phê mãi. Đến lúc tôi nhắc uống đi kẹo nguội thì lớp bột sữa đã xẹp gần hết.

Tôi gọi espresso, nhấp một ngụm nhắm mặt đặt xuống vì đắng quá. Không phải kiểu đắng khó chịu mà vị đắng uống được khi đã quen. Sau vài giây tôi nhận ra mình không đang nếm nó, mà

đang đo nó: nhiệt độ, độ chua, cái dư vị bám lại ở chân lưỡi, khoảng thời gian nó cần để nguội.

“Cậu lo không?” Dung hỏi, mắt vẫn nhìn xuống mặt bàn.

“Lo gì?”

“Buổi gặp đầu tiên với giáo sư ấy.”

“Không. Có phải phỏng vấn xin việc hay thi cử gì đâu?”

Dung ngẩng lên nhìn tôi một giây rồi nhìn xuống lại. Chiếc bánh còn nguyên trên đĩa. “Cậu không đói à? Hay nhớ mùi nước mắm rồi?”

“Không biết nữa,” cô nói. “Tự nhiên không ăn nổi.”

Sương phủ mỏng trên lối vào lát đá mòn nhẵn. Những bức tường đá vôi đứng im, rêu len vào từng khe nứt. Dưới cổng vòm, một sinh viên đẩy xe đạp treo lưng lửng chiếc mũ bảo hiểm Giro một đã lạc hậu với cái lỗ thoát khí được bố trí dọc theo đường kinh tuyến. Nó cứ va vào thân xe, cộng hưởng với tiếng bánh xe lăn trên đá cuội tạo thành âm thanh văng vẳng xuyên qua dãy hành lang.

Tôi đi sau Dung một bước, tay nhét trong túi áo khoác, nghĩ thầm lúc xây ngôi trường này, họ có nghĩ nó sẽ tồn tại bao nhiêu thế kỷ nữa không, hay đơn giản họ chỉ xây rồi để thời gian tự quyết.

Dọc hành lang, những cánh cửa gỗ nặng nề xếp thành hàng, mỗi cánh gắn một tấm bảng đồng khắc tên giáo sư. Tấm bảng của cánh cửa cuối dãy có màu cũ hơn những tấm bảng còn lại, khắc ‘*Giáo sư Louis Auguste, Trưởng khoa Lịch sử*’

Dung gõ cửa. Một giọng nói vang lên từ phía trong: “Mời vào.”

Căn phòng nhỏ và giản dị hơn tôi tưởng. Ngoài giá sách, bàn làm việc, chiếc đèn bàn kiểu chụp làm bằng đồng, có hai thứ thu hút ánh nhìn của tôi. Đầu tiên là chiếc đồng hồ quả lắc hình ngôi nhà đặt sát tường. Phần mái uốn cong mềm mại chạm nổi họa tiết vỏ sò ngay chính giữa. Bên dưới là một ô kính hẹp để lộ quả lắc bằng đồng đung đưa sau ba thanh kim loại mảnh. Quả lắc trao đi một tiếng ‘tích’ khi nó đi về phía bên phải, trả lại một tiếng ‘tắc’ khi nó trở về bên trái. Thứ hai là bức ảnh treo tường giáo sư đang cười con bạch mã. Bức ảnh đã cũ, giáo sư trong ảnh trẻ hơn hẳn người đang đứng trước mặt chúng tôi.

Giáo sư Auguste đứng dậy khi chúng tôi bước vào. Ông mặc một chiếc vest màu bạc, bên trong là áo sơ mi sẫm màu. Mái tóc thưa để lộ khoảng hói trước trán. Đôi tai to với dái tai dày. Quầng mắt hơi sẫm. Trên sống mũi có hằn vết kính đeo

lâu năm. Tôi không chắc ông có hơi khòem vì khoảng cách giữa cái bàn và ghế ngồi khá chật khiến ông đứng lên không được thoải mái.

“Bienvenue à Paris¹. Hẳn các em đã có một hành trình dài?”

“Vâng, thưa giáo sư,” tôi đáp.

Chúng tôi ngồi xuống. Ông tháo kính, xoa nhẹ sống mũi, nhìn chúng tôi với vẻ tò mò: “Paris có lẽ vẫn còn lạ lẫm với hai em?”

“Dạ thưa thầy. Chúng em mới đến được hai hôm,” Dung trả lời khi hai tay đang ghì nhẹ mép ghế, thân người hơi ngả lên trước.

Giáo sư gật đầu. “Paris không vội vàng, nhưng cũng không chờ đợi ai. Các em hãy tận dụng thời gian ở đây một cách khôn ngoan.”

Ông mở tập hồ sơ trên bàn, lướt qua vài trang rồi ngược lên. “Dù chúng ta đã trao đổi một số nội dung qua email, nhưng tôi muốn nghe các em trình bày trực tiếp về hướng nghiên cứu.”

Dung lên tiếng trước, giọng thấp hơn bình thường. “Em muốn tập trung vào văn hóa Chăm Pa từ thời kỳ Sa Huỳnh cho đến năm 1471, thời điểm Lê Thánh Tông tiến vào Đồ Bàn.” Cô dừng

¹ Chào mừng đến Paris.

lại một nhịp ngắn, như để chắc chắn mình đang đi đúng hướng. “Em nghĩ đây là giai đoạn quan trọng nhất để hiểu nền tảng Chăm trước khi nó thay đổi. Em muốn tiếp cận qua các bản dịch bìa ký và nhật ký khai quật của người Pháp trong thế kỷ XIX và XX, những tư liệu này ở Việt Nam rất khó tìm.”

Giáo sư Auguste đặt bút xuống. “Em đã đọc công trình của Louis Finot chưa?”

“Dạ, một phần. Nhưng em chưa tiếp cận được bản gốc, chỉ qua trích dẫn.”

“Thư viện trường có một số tài liệu của EFEO¹ mà ít người biết đến. Tôi sẽ giúp em có quyền truy cập. Nhưng tôi muốn em lưu ý một điều, người Pháp khai quật Chăm Pa với con mắt của thế kỷ XIX, họ nhìn thấy những gì họ muốn nhìn thấy. Em cần đủ tỉnh táo để đọc tư liệu của họ mà không bị dẫn dắt hoàn toàn bởi khung nhìn của họ.”

Dung gật đầu. Lần này tay đã buông khỏi mép ghế.

Giáo sư quay sang tôi. “Còn em, Trung?” Nói xong ông ho thành tiếng.

¹ EFEO (École française d’Extrême-Orient, Trường Viễn Đông Bác Cổ): cơ quan nghiên cứu của Pháp về phương Đông, thành lập năm 1900, lưu giữ nhiều tư liệu khảo cổ về Chăm Pa.

“Em muốn tiếp tục từ điểm Dung dừng lại, năm 1471 trở về sau, khi trái tim của Chăm Pa là Đồ Bàn sụp đổ. Em muốn tìm hiểu những gì biến mất, những gì còn sót lại, những gì vẫn tiếp tục tồn tại dưới hình thức khác.”

Tôi nhìn qua Dung: “Thật ra chúng em đã trao đổi trước. Khi Dung chọn trước năm 1471, em mới nghĩ đến phần sau. Nhưng càng nghĩ em càng thấy đó là phần em muốn tìm hiểu hơn, đặc biệt là ở Đà Nẵng, nơi em lớn lên.”

“Em lớn lên ở Đà Nẵng?” Giáo sư khẽ nhướn mày.

“Dạ vâng.”

Ông dừng lại một chút. “Thú vị. Vậy em đang nghiên cứu lịch sử của mảnh đất mình đã sống trên đó mà chưa từng thực sự nhìn xuống?”

Tôi thử lục lọi. Thứ bật ra đầu tiên trong đầu tôi là văn phòng làm việc công ty phần mềm Sao La tọa trên đường Mừng hai tháng chín. Dù chỉ là một công việc bán thời gian nhưng nó khiến tôi bận rộn suốt ba tháng hè. Tôi cùng đội dự án người Việt xây dựng phần mềm quản lý bán hàng cho một công ty kinh doanh thiết bị y tế ở Tokyo. Gã đại diện khách hàng người Nhật tên là Saito, cứ chèo kéo chúng tôi đi ăn thịt chó mỗi chiều thứ sáu, món mà tôi không bao giờ được đụng đến.

Tôi mất vài giây mới trả lời. “Dạ đúng.”

“Hướng tiếp cận của em?” Giáo sư hỏi tiếp.

“Kiến trúc thì dễ nhìn thấy, nhưng em quan tâm hơn đến những gì không có hình dạng cụ thể. Tín ngưỡng, ẩm thực, ngôn ngữ, những thứ không được ghi chép nhưng vẫn truyền từ đời này qua đời khác.”

Giáo sư chống khuỷu tay lên mặt bàn. “Đó là hướng nghiên cứu khó hơn. Khi một nền văn hóa mất đi nhà nước bảo hộ, nó không còn để lại dấu vết theo cách thông thường, không triều đình ghi chép, không công trình lớn được xây dựng. Những gì còn sót lại nằm trong đời sống thường ngày, trong những thứ không ai nghĩ đến việc viết xuống vì chúng quá bình thường. Tài liệu ít, phương pháp không rõ ràng, ranh giới giữa lịch sử và nhân học rất mờ.” Ông nhìn tôi. “Em có sẵn sàng với điều đó không?”

“Em nghĩ những thứ không có hình dạng thường là thứ quan trọng nhất.” Tôi nói xong mới nhận ra mình chưa từng nghĩ kỹ đến điều đó.

Giáo sư cười. “Được rồi.” Ông gập tập hồ sơ lại. “Hai hướng bổ sung cho nhau, dù ban đầu hai em không định vậy. Tôi sẽ hướng dẫn, nhưng

phần lớn công việc là của các em. Chúng ta sẽ gặp định kỳ mỗi hai tuần.”

Giáo sư đứng dậy ra hiệu buổi gặp kết thúc. Trước khi chúng tôi ra về, ông nói thêm một câu như vừa chợt nhớ ra: “Các em đến từ Đà Nẵng. Vùng đất ấy giữ nhiều thứ hơn người ta nghĩ. Hãy giữ điều đó trong đầu khi các em đọc tài liệu ở đây.”

Chúng tôi rời văn phòng giáo sư, đi gần hết hành lang thì Dung hỏi: “Cậu nghĩ ông ấy thế nào?”

“Giáo sư nhìn thấy điều tớ không thấy”. Tôi đáp.

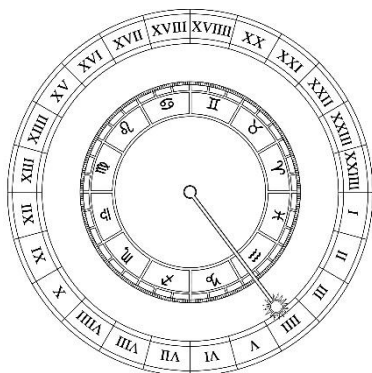
Dung gật đầu hỏi tiếp: “Cậu đói không?”

“Không. Vừa ăn mà.”

“Nhưng tớ đói, hơi sáng không nuốt nổi miếng nào.”

“Vậy mình đi kiếm cái gì cho cậu ăn đã.”

Đến cổng. Sương đã tan. Tôi dừng một thoáng trước bức tường đá vôi, thử dò xem có gì bật ra trong đầu tôi không? Không. Cái máy đo quen thuộc không lên tiếng. Tôi chưa quen với khoảng lặng này trong đầu. Nó hơi giống một chương trình lễ ra phải chạy mà không chạy.



Tuần đầu tiên trong thư viện tôi gần như không tìm được gì. Không phải vì thiếu tài liệu mà nhiều đến ngợp người. Hàng hàng lớp lớp giá sách cao chạm trần, sách phủ kín không còn khe hở. Tôi đọc từ sáng đến tối, ghi chú kín cuốn sổ tay, đánh dấu những đoạn cho là quan trọng. Nhưng càng đọc tôi càng thấy mông lung như mình đang đứng bên ngoài một ngôi nhà rồi nhìn nó qua cửa sổ.

Phần lớn những gì còn lại về Chăm Pa đều không phải do chính chủ viết. Người Đại Việt viết về họ như một vùng đất nằm trên đường tiến xuống phương Nam. Các học giả phương Tây thế kỷ XIX lại nhìn họ như những mẫu vật lịch sử cần được phân loại, đo đạc và sắp xếp vào tủ kính.

Lưng tôi mỏi nhừ. Tôi ngồi bệt rồi nằm luôn xuống sàn, bắt tay qua trán nhìn lên những bức tường sách cao ngất, thầm nghĩ nếu tôi đọc hết chỗ này thì sao. Nếu tất cả chúng đều được nhìn từ cùng một hướng thì rốt cuộc cũng chỉ thấy được một góc mà thôi.

Dung thì khác. Cô kiên nhẫn lật từng trang tài liệu như đang trò chuyện với chúng. Có những đoạn chữ Chăm cổ mờ đến mức tôi không phân biệt nổi đâu là nét chữ, đâu là vết nứt của thời gian. Vậy mà cô vẫn cặm cụi ghi chép từng ký hiệu bằng sự tập trung tuyệt đối. Tôi tự hỏi liệu Dung có nghĩ giống tôi không, hay cô tin chúng hoàn toàn.

Những buổi chiều rời thư viện chúng tôi thường đi bộ về ký túc xá. Con đường không dài nhưng đủ để một cuộc trò chuyện trở thành một cuộc tranh luận. Tôi thử hỏi dò: “Tớ nghĩ mình nên dừng lại ở những gì có thể chứng minh được. Chỗ nào không đủ dữ liệu thì để trống. Lịch sử không phải là vẽ tranh mà ngồi tưởng tượng ra được.”

Dung bước chậm hơn nửa nhịp. “Nếu ai cũng đợi đủ chứng cứ mới dám đặt câu hỏi thì rất nhiều người sẽ biến mất lần thứ hai.”

Tôi không trả lời Dung, nhưng đã có câu trả lời.

Một hôm, Dung đẩy một văn bản cổ về phía tôi cùng bản dịch của cô. “Cậu thử đọc đoạn này đi.” Tôi đọc. Nó không viết về chiến thắng, vinh quang, mở rộng lãnh thổ mà về mất mát. “Cậu thấy nó đáng tin hơn đúng không?”

Vài tuần sau, khi tôi gần như chấp nhận rằng mình sẽ không tìm thấy điều gì mới trong đồng tài liệu này nữa, và cũng bắt đầu phát ngán vì cả ngày lằm lũi trong thư viện, thì giáo sư Auguste đã ném cho tôi một chiếc phao: “Ở Musée Guimet các em có thể tìm được những thứ mà triều đình Đại Việt hay báo cáo thuộc địa đã chọn cách bỏ qua.” Tôi chưa biết nó thế nào. Nhưng ít nhất nó giúp tôi thoát được những bức tường sách kia.

Bảo tàng Guimet hiện ra sau khi chúng tôi ra khỏi ga Iéna. Nó không phải là một tòa nhà được thiết kế riêng, mà là một phần của dãy phố với những bức tường nhẵn nhụi màu be nhạt. Dung bước lên bậc tam cấp đầu tiên, nheo mắt quay lại nhìn tôi trong khi tôi vẫn còn ngập ngừng.

Sảnh chính khá rộng, ánh sáng từ trần cao rót xuống giữa gian. Những cột đá pha trộn giữa nét cổ điển châu Âu và hơi thở Á Đông. Có một quán cà phê nhỏ nép mình bên góc và một khu dành

cho người khuyết tật để sẵn một chiếc xe lăn. Có vài du khách đang ngồi uống cà phê nhưng không phát ra tiếng động nào.

Chúng tôi gặp một phụ nữ da trắng tại quầy khi cô còn đang ôm một chồng hồ sơ dày cộp như sắp trượt khỏi tay bất cứ lúc nào. Cô còn khá trẻ, mái tóc vàng buộc gọn nhưng vài lọn vẫn liên tục rơi xuống trước trán.

“Tôi đoán hai bạn là học trò của giáo sư Auguste?”

Tôi tròn mắt ngạc nhiên.

Cô đặt tập hồ sơ xuống bàn, chìa tay bắt tay từng người với một nụ cười rất nhanh.

“Tôi là Isabelle. Giáo sư đã giới thiệu hai bạn với bảo tàng tuần trước.” Cô dừng lại một giây. “Thành thật mà nói, tôi tò mò về Đà Nẵng hơn cả đồng hiện vật Chăm Pa đang nằm ở đây.” Nói xong, chính cô cũng bật cười.

Tôi từng hình dung nhân viên bảo tàng là những người trầm lặng, nghiêm nghị, khép kín với lịch sử như với một bí mật riêng, nhưng Isabelle không giống vậy.

Dung lập tức bị cuốn theo. Hai người nhanh chóng làm quen và trao đổi về sơ đồ bố trí phân loại cổ vật của bảo tàng.

Isabelle nói nhanh, đôi khi đang kể một chuyện lại nhớ ra điều khác rồi chuyển sang, nhưng người nghe vẫn theo kịp và không thấy khó chịu.

“Tôi nghĩ hai bạn sẽ thích nơi này.”

Đi đến giữa sảnh, cô bất ngờ quay đầu lại. “À, có một quy định nhỏ. Nếu lát nữa hai bạn lạc đâu đó giữa đống cổ vật này thì tôi không chịu trách nhiệm đâu nhé.”

Cô nháy mắt rồi tiếp tục bước đi. Tiếng gót giày vang đều trên nền đá hoa cương. Tôi trộm nghĩ nếu Dung cũng đi đôi giày như thế thì tôi sẽ được nghe nguyên một màn duyệt binh.

Tầng một “Đông Nam Á” trải ra trước mắt chúng tôi. Pho tượng Vishnu đứng ngay ở giữa gian phòng, nó được làm bằng đá sa thạch thế kỷ X. Bốn cánh tay vẫn còn nguyên hình dạng. Tôi đọc bảng giới thiệu theo thói quen: niên đại, xuất xứ, kích thước, nhưng không thấy tên người chế tác.

Bên cạnh là một phù điêu từ Mỹ Sơn, đường nét đã bị thời gian gặm mòn. Xa hơn là tượng thần Ganesha. Đầu voi. Bụng lớn. Một bên ngà đã gãy. Không có chú thích nó bị gãy khi nào.

Cuối gian phòng là một bệ thờ bằng đá. Linga đã không còn. Tôi đứng nhìn phần trống trên bệ đá lâu hơn tất cả những pho tượng khác.

Dung đứng cạnh và thì thầm: “Có những thứ mất nhiều thời gian để được tạo ra hơn là bị phá hủy.”

Trong lúc Isabelle đang giới thiệu cho tôi về lịch sử bảo tàng thì nghe tiếng Dung nói to: “Cái này?” Chúng tôi tò mò lại gần. Dung tìm thấy một tấm bia gỗ nhỏ nằm khuất phía sau những hiện vật lớn hơn.

“Sao vậy?” Tôi hỏi.

Dung cúi sát hơn. “Đây là một bản tấu của lãnh chúa Chăm Pa vào năm 1470. Họ muốn xử một người vì hèn nhát.”

“Hèn nhát?” Tôi xác nhận lại với Dung

“Đúng vậy, cậu cũng thấy gì à?” Dung hỏi.

“Hôm trước ở thư viện tớ đọc được một tài liệu phía Đại Việt, không có trong Đại Việt sử ký toàn thư hay Việt Nam sử lược, nhắc tới một người đã ngăn cản Chăm Pa tấn công Hóa Châu¹. Liệu đây có phải cùng một người?” Tôi hỏi ngược.

Ba chúng tôi chia nhau lục tung từng tủ hồ sơ. Isabelle còn hỗ trợ tìm kiếm trên hệ thống phần

¹ Hóa Châu: vùng đất tương ứng khu vực Thừa Thiên Huế và Quảng Trị ngày nay, là biên giới tranh chấp giữa Đại Việt và Chăm Pa thời trung đại.

mềm. Tất cả đều không có kết quả. Gần cuối ngày, cô ấy nhìn chúng tôi để xác nhận đã xong nhiệm vụ: “Vậy là không có gì cả nhé, hai bạn?”

Dung vẫn ngồi trước tủ kính đảm chiêu không nói gì. Tôi gọi ý: “Cậu muốn thử cách ấy không?”

Dung không trả lời nhưng tôi hiểu là cô đồng ý.

Tôi đề nghị với Isabelle. Nghe xong, Isabelle cười lớn: “Tôi có đang xem phim không? Cậu đùa tôi đấy à Trung?”

Tôi cố giải thích rằng Dung đã làm vài lần khi còn ở Việt Nam. Isabelle khoanh tay đi chậm một vòng quanh tủ kính. “Nếu tôi cho các bạn chạm vào hiện vật, tôi có thể mất việc trước khi kịp biết mình đúng hay sai.”

Tôi hiểu phản ứng của Isabelle nên không làm khó cô thêm: “Dạ, vậy cứ coi như em chưa đề nghị gì ạ.”

Dung gật đầu. Bất ngờ lúc chúng tôi chuẩn bị rời đi thì Isabelle lại kéo lại: “Để tôi thử xin phép cấp trên đã. Vì từ trước đến nay tôi chưa xử lý yêu cầu kiểu này bao giờ.”

Hai ngày sau, Isabelle thông báo yêu cầu đã được cấp trên đồng ý. Nhưng cô cũng nhấn

mạnh rằng: “Đây là ngoại lệ, chỉ duy nhất lần này, và chỉ trên đúng tấm bia kia.”

Tấm bia được đặt lên bàn. Tôi, Isabelle và nhân viên kho đeo găng tay đứng quanh. Dung ngồi một lúc lâu, hai bàn tay đan vào nhau để trước mặt. Cô hít một hơi dài, đặt lòng bàn tay lên mặt gỗ. Mười giây. Hai mươi giây. Vẫn không có chuyện gì xảy ra. Nhân viên kho liếc Isabelle như muốn hỏi đã đủ chưa. Isabelle thì nhìn đồng hồ sốt ruột.

Giây bốn lẫn, Dung cất tiếng: “Nóng, có khói...” Vai cô run lên. Hơi thở bắt đầu dồn dập hơn. “Rất nhiều người... đang cãi nhau... Chả Pa không thể lùi bước... Chế Bồng Nga.” Những ngón tay Dung siết chặt mép bàn: “Họ đòi giết hẳn... kẻ hèn nhát.” Cả căn phòng nín thở. Môi Dung mấp máy như đang cố giữ lấy một âm thanh sắp tan biến.

“Pan...”

Cô ôm lấy đầu.

“Pan...”

Một khoảng lặng.

Rồi gần như hét lên.

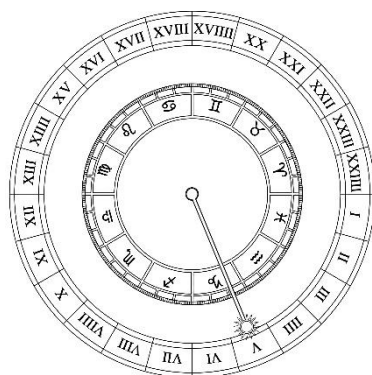
“Panthur!”

Dung giật tay khỏi tấm bia. Không ai nhúc nhích. Cô thở dốc, mắt vẫn nhắm. Rồi một cái tên nữa rơi ra: “Amaravati¹. Hấn ở Amaravati.” Đôi mắt Dung mở ra nhưng trên nó vẫn còn đọng lại một thứ gì đó.

Tôi nhìn tấm bia gỗ, nhỏ bé, nằm đó dưới ánh đèn trắng, bình thường đến mức chẳng ai để ý. Vậy mà một cái tên đã xuất hiện sau hàng trăm năm im lặng. Panthur. Một kẻ bị gọi là hèn nhát, hay một người không cùng quan điểm với những kẻ đang muốn chiến tranh?

Tôi chụp lại toàn bộ ký hiệu trên tấm bia, ghi thời điểm Dung đọc ra từng âm, rồi tạo một thư mục mới trên máy, đặt tên nó là PANTHUR.

¹Amaravati: Tên gọi thời trung đại của vùng đất Quảng Nam và Đà Nẵng ngày nay.



Những con chim cổ đỏ vốn hay đậu trên lan can đã bay đi đâu mất, bỏ lại tôi với bầu trời chỉ còn vài ngôi sao le lói trên những mái ngói xám và những ống khói cũ kỹ. Trời lạnh hơn mọi hôm. Tôi sờ lên cánh tay thì da gà đã nổi lúc nào không hay.

Panthur. Cái tên ấy găm vào tâm trí tôi như một dòng lệnh kẹt trong vòng lặp không có lối thoát. Tôi mở thư mục PANTHUR. Tạo một trang ghi chép, chia thành ba cột. Cột thứ nhất là những gì có thể kiểm chứng: năm 1470, Hóa Châu, Trà Toàn, một người bị kết tội hèn nhát, bản sao tài liệu Đại Việt mà tôi đọc được trong thư viện. Cột thứ hai là những gì Dung đã nhìn thấy: khói, tiếng cãi vã, tiếng người đòi giết và cái tên Amaravati. Cột cuối cùng dành cho những chi tiết chưa biết phải xếp vào đâu.

Tôi mở hồ sơ cho Dung xem. Cô đọc hết ba cột.

“Cậu ghi lại cả những gì tớ cảm thấy à?”

“Nếu bỏ đi thì chỉ còn những thứ đã có trong tài liệu.”

“Tớ không bảo cậu bỏ.” Dung nhìn cột thứ hai một lúc. “Tớ chỉ muốn biết từ lúc nào cảm giác của tớ trở thành dữ liệu của cậu.”

“Tớ có thể xóa nếu cậu muốn.”

Dung lắc đầu. “Cậu cứ giữ lại. Nhưng dùng để tham khảo thôi.”

Chúng tôi quay lại văn phòng giáo sư Auguste vào buổi chiều thứ Sáu. Mặt trời yếu ớt nhỏ những giọt nắng lên hành lang vừa đủ dài để chạm đến mép cửa.

Như một thói quen, giáo sư tháo kính, bóp nhẹ sống mũi rồi nhìn chúng tôi. “Hôm nay, ngoài việc nghe các em báo cáo, còn có một việc quan trọng tôi cần thảo luận về dự án hợp tác giữa Khoa lịch sử và một doanh nghiệp.”

Tôi đặt laptop lên bàn, mở hồ sơ Panthur rồi lần lượt trình bày ba cột dữ liệu. Dung chỉ nói khi tôi chuyển sang cột ghi cảm nhận của cô. Giáo sư Auguste nghe hết mà không ngắt lời. Ông không

tỏ ra ngạc nhiên hay hoài nghi, chỉ đan hai tay trước mặt, đăm đăm nhìn vào màn hình.

Khi chúng tôi kết thúc, căn phòng rơi vào im lặng. Chỉ còn tiếng quả lắc đồng hồ... *tích... tắc... tích... tắc...*

Giáo sư ngả người ra sau, nhắm mắt lại một lúc lâu trước khi đeo kính vào. Ông không nhìn tôi, cũng không nhìn Dung, mà nhìn vào khoảng trống giữa hai chúng tôi.

“Tôi bắt đầu sự nghiệp nghiên cứu vào năm hai mươi mốt tuổi. Một chàng trai say mê khảo cổ, muốn tìm những vết nứt của thời gian. Háo hức. Tò mò. Tôi đã sống hết mình vì lịch sử. Năm ba mươi ba tuổi, trong một chuyến khảo cứu di tích ở miền bắc Thái Lan, sau bữa tiệc mừng công việc, tôi uống Lao Khao. Tôi say, và tôi nhớ bố tôi. Tôi đã khóc.”

Ông ngừng lại, chạm nhẹ vào khóe mắt.

“Bố tôi là một quân nhân. Mỗi lần về nhà, ông rất nghiêm khắc. Ông bắt chúng tôi dậy sớm, lau nhà, quét lá, tỉa cây. Chẳng chừa lại chút không gian nào cho một thiếu niên đang lớn. Tôi thường cố kiểm lý do hợp lý để tránh ông. Lúc thì bận tham gia đội bóng của trường. Lúc thì bận sinh hoạt câu lạc bộ sân khấu kịch dù tôi chẳng mấy

hứng thú. Tôi chưa bao giờ nói với ông ‘con yêu bố’. Năm tôi hai mươi chín, ông mất sau một cơn đột quỵ khi đang tỉa cành cây cho nhà hàng xóm. Lúc nghe tin, tôi đang ở trong một hội thảo bên kia bờ Đại Tây Dương. Tôi ra ngoài hành lang khách sạn và đứng đó hơn một giờ.”

Giáo sư cầm tách trà lên. Tay ông khẽ run làm mặt nước động dậy. Ông nhấp một ngụm nhỏ.

“Một cộng sự bản xứ gợi ý rằng ở một ngôi làng gần đó có bà đồng gọi được hồn người chết. Tôi đã đến. Bà ta trùm khăn ngồi trên sạp gỗ, yêu cầu tôi đặt lên đĩa chiếc bật lửa kỷ vật của bố cùng một trăm đô la. Rồi bà ta bắt đầu múa máy, đột nhiên thốt ra bằng tiếng Pháp: ‘*Louis, ta nhớ con. Ta xin lỗi.*’ Tôi sống người. Không phải vì phép thuật... mà vì bố tôi chưa bao giờ gọi tôi bằng tên. Ông chỉ gọi tôi là ‘sóc nhỏ’.”

Giáo sư đặt tách trà xuống. Giọng ông nghẹn lại ở chữ “nhỏ”.

“Hai mươi sáu năm sau, ngay tại văn phòng này, tôi lại nghe một câu chuyện tương tự. Mà còn lỗi bịch hơn, về một người đã chết năm trăm năm trước.”

Dung khựng lại, cổ họng cứng đờ. Cô quay sang nhìn tôi như cầu cứu.

“Chúng em xin lỗi thầy,” tôi cố giữ giọng bình tĩnh.

Dung trấn tĩnh tiếp lời: “Em xin lỗi vì đã gọi lại chuyện cũ của thầy. Nhưng những gì em thấy không phải là gọi hồn. Em không giao tiếp với họ. Nó chỉ giống như một cuốn băng ghi hình cũ vô tình được bật lên.”

“Em đang cố giải thích một hiện tượng tâm linh bằng từ ngữ hiện đại đấy à?” Giáo sư nhìn Dung.

“Thưa Giáo sư,” tôi xen vào, “trong vật lý, không phải thứ gì tồn tại cũng quan sát được trực tiếp. Em không cho rằng Dung nhìn thấy linh hồn. Dao động thần kinh của cô ấy có thể vô tình thu được một loại tín hiệu tàn dư như ánh sáng của một ngôi sao đã tắt từ hàng triệu năm trước nhưng hôm nay mới đến được Trái Đất. Cô ấy chỉ là một bộ thu, không phải bà đồng.”

“Cậu đang dùng giả thuyết để bao biện cho một điều chưa hề được chứng minh.”

“Nếu mọi giả thuyết đều phải có bằng chứng ngay từ đầu thì đã chẳng ai đi tìm bằng chứng nữa,” tôi đáp. “Nếu những chi tiết Dung thấy chưa từng được ghi chép ở đâu, nhưng sau này khảo cổ lại xác nhận chúng tồn tại, thì khi ấy chính dữ liệu sẽ trả lời. Chúng ta không cần tin Dung, chúng ta chỉ cần tin kết quả.”

“Vậy em cứ hãy nói hết từ lý trí của mình, Trung.”

“Ban đầu em không tin lắm câu chuyện Panthur, nhưng có sự trùng khớp giữa ghi chép của Đại Việt và Chăm Pa, cùng nói về một kẻ đã ngăn Trà Toàn đánh Hóa Châu năm 1470.”

Giáo sư khựng lại. Ánh nhìn qua gọng kính lấy lại sự sắc bén của một nhà nghiên cứu.

“Chừng đó chưa đủ để khẳng định điều gì. Nếu không có bằng chứng thuyết phục, mọi giả thuyết đều vô nghĩa. Lịch sử cần được đặt vào một hệ thống được kiểm chứng. Hiện tại, các em đang đứng bên ngoài hệ thống đó.” Giáo sư chậm rãi nói, rồi quay sang tôi. “Nhưng tôi cũng không thể khẳng định các em đang nói dối. Thế hệ chúng tôi đào đất để tìm lịch sử. Có lẽ thế hệ các em sẽ cần những công cụ khác.”

Ông thẳng lưng, tiếp tục.

“Như tôi đã nói lúc đầu, Khoa đang có một dự án hợp tác ứng dụng công nghệ trong việc quét và dựng lại dữ liệu di sản. Trung, em hiểu về công nghệ. Chủ nhật này chúng ta sẽ gặp một người, tôi muốn hai em đi cùng.”

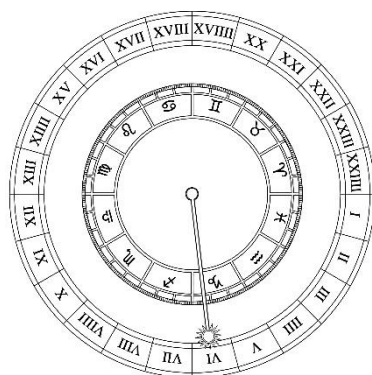
Chúng tôi rời văn phòng khi những vệt nắng cuối cùng trên hành lang đã tắt hẳn. Tiếng quả

lắc đồng hồ không còn đuổi theo nữa, nhường chỗ cho cái lạnh chiều muộn tràn qua không gian.

Ra đến cánh cổng vòm, Dung dừng lại, trút một hơi thở dài nhẹ nhõm rồi khẽ nói cảm ơn tôi.

Tôi gạt đầu, nhưng tâm trí đã trôi về bức ảnh ba gửi tới qua. Trong hình, sợi dây buộc gác chân trên chiếc xe lăn của ông bị chùng xuống một đoạn. Ba nhấn bảo mọi thứ vẫn ổn. Nhưng tôi là người tự tay thắt nút dây đó nên tôi biết nó không thể tự dung lỏng ra. Tôi đứng khựng lại dưới vòm cổng đá. Ngược lên, những phiến đá xám nặng trĩu xếp chồng lên nhau che kín cả khoảng trời.

“Trung?” Dung quay lại gọi. Tôi gấp điện thoại bước theo cô.



Hoàng hôn chiều chủ nhật phủ một lớp vàng nhạt lên quận mười sáu. Chiếc taxi vàng dừng trước khu biệt thự có mặt tiền trắng kem xen lẫn những cánh cửa chớp màu xanh. Lá khô phủ đầy lối đi mà không có dấu chổi quét như muốn được giữ nguyên. Không khí thoảng mùi đất ẩm và hoa trà. Người mời chúng tôi, thông qua giáo sư, dĩ nhiên là chúng tôi chưa từng gặp, chỉ biết anh ta làm về công nghệ.

Dung mặc một chiếc váy đỏ dáng dài, phần cổ lọ xếp nếp che kín đáo toàn bộ mặt trước, điểm nhấn là vết hờ nhẹ dọc lưng hình giọt nước tôn lên cái dáng mảnh khảnh của cô. Tay cầm chiếc clutch màu trắng ngà đựng vài cây son và điện thoại.

Mắt Dung đảo qua một lượt toàn bộ không gian. Vai hơi thu lại rồi hỏi nhỏ tôi: “Tớ có hơi nổi quá không?” Tôi cười chọc: “Có lẽ.” Dung quay mặt đi nên tôi nhanh chóng chữa cháy: “Tớ đùa chút thôi. Ăn mặc vậy trông đơn giản quá thì có.”

Ngày nhỏ, tôi thường theo ba đến những khách sạn sang trọng mà ông thi công. Có những nơi được thiết kế cầu kỳ đến khó hiểu. Chẳng hạn như việc lắp đặt hẳn một dàn nâng trên trần chỉ để treo tấm gương soi chiếu người nằm dưới giường, hay lát nền phòng vệ sinh bằng loại gỗ hiếm để giữ mùi hương tự nhiên mặc kệ việc khó khăn lau chùi.

Tôi mang nỗi khó hiểu đến gặp ba, ông dẫn tôi “con nên học cách bước vào một căn phòng như thế. Có những người sinh ra đã đứng sẵn ở đó. Cũng có những người thậm chí không biết căn phòng đó tồn tại. Khi con đứng trước thứ gì đó lớn hơn mình thì đừng vội chống lại. Học cách chấp nhận nó. Chỉ khi chấp nhận được, con mới không bị nó nuốt chửng vào trong.”

Chúng tôi bước vào sảnh chính. Trần cao vút. Chính giữa đặt một khối đá cẩm thạch hình xoáy tròn, ánh lên những đường vân tự nhiên nhờ ánh đèn LED ẩn phía trên. Sàn gỗ sáng màu. Tường

giấy dán hoa văn hình ô-van đan xen những vành sóng, treo một bức tranh sơn dầu vẽ con hạc trắng cất cánh từ mặt hồ tĩnh lặng. Khung bức tranh làm bằng bạc cổ, nét cọt tỉ mỉ công phu.

Tôi liếc sang Dung. Cô đang tập trung nhìn bức tranh nhưng khi nghe tiếng tôi thì mắt cô nhấp nháy, ngón tay gõ lên hông.

Ánh mắt tôi nhanh chóng bị hút về phía góc lửng, nơi một khối hình tròn hoàn hảo như một quả trứng khổng lồ mịn màng trắng muốt nằm nghiêng trên bề kim loại màu đen. Nó mang kết cấu của một tạo vật công nghệ cao. Bề mặt của nó quá hoàn hảo để là đá, quá lạnh lẽo để là một tác phẩm điêu khắc thông thường. Tôi đứng nhìn một lúc mà vẫn không kịp nghĩ ra đó là thứ gì.

Từ phòng khách, chúng tôi bước qua một hành lang ngắn dẫn tới phòng ăn đặt một cái bàn rộng và mười chiếc ghế xếp ngay ngắn dưới những ngọn đèn treo trần màu be và đỏ thẫm. Chúng tôi tiếp tục đi dọc theo một con đường sỏi uốn lượn, hai bên là tường gạch đỏ phủ đầy dây leo xanh, rẽ vào là một phòng tập thể dục hiện đại có cửa kính lớn cùng máy chạy bộ, máy đạp xe, dàn tạ đa năng và một máy tập chèo thuyền hình dạng giống một con bộ ngựa.

Bàn tiệc ngoài trời được đặt giữa khu vườn trên thảm cỏ xanh mượt gọn gàng. Dưới tán cây sồi có một bức tượng người phụ nữ cầm ô và một con sóc ngộ nghĩnh làm bằng đồng. Tiếng nhạc jazz nhẹ nhàng vang lên từ những chiếc loa ẩn trong bụi cây hòa cùng tiếng leng keng của những ly sâm-banh chạm vào nhau.

Giáo sư Auguste đang đứng trong một nhóm khách, vẫy tay khi thấy chúng tôi. Ông giới thiệu từng người: Henri, nhà phê bình nghệ thuật, đáng gầy với chiếc kính gọng sừng trên sống mũi cao. Claude, nhà khảo cổ học, bụng tròn và bộ ria mép chải chuốt. Pierre, nhà nghiên cứu biến đổi gen, trẻ nhất nhóm, nói chuyện bằng tay nhiều hơn bằng miệng. Và cuối cùng là chủ nhân bữa tiệc: Étienne Moreau, trạc ba mươi lăm, hoặc nhìn trẻ hơn tuổi, tay cầm một ly sâm-banh chân cao, mặc bộ vest cách tân không cà vạt phối với quần jean và đôi sneaker trắng.

Étienne dang hai tay chào đón: “Các bạn trẻ của tôi! Cuối cùng cũng gặp được các bạn.” Tôi không rõ giáo sư đã nói gì với anh ta mà chúng tôi nổi tiếng đến thế. Rồi anh chìa tay bắt từng người, nhìn Dung lâu hơn phép xã giao thường thấy.

Tôi nhận ra giọng Pháp của anh không phải giọng Paris. Đó là giọng của người lớn lên nói

một ngôn ngữ khác, rồi học tiếng Pháp đủ lâu để thành thạo nhưng không bao giờ xóa được cái nền bên dưới.

Nhóm khách quay lại câu chuyện đang dở. Henri lấy thêm một ly vang trắng từ người bồi bàn, nhấp một ngụm: “Vấn đề của nghệ thuật hiện đại là nó quá tin vào chính mình. Cứ tưởng chỉ cần đẹp là đủ, quên rằng cái đẹp nào không được ai nhắc tới thì không ai biết nó đẹp.”

Claude nâng ly với Henri: “Đó là lý do nước Pháp vĩ đại, chúng ta không chờ ai nhắc, chúng ta tự bảo tồn.” Anh vuốt bộ ria mép quay sang tôi: “Thật ra, nhiều nước, trong đó có Việt Nam các bạn nên cảm ơn chúng tôi. Nếu không có người Pháp giữ hộ, nhiều báu vật của các bạn giờ này đã tan thành cát bụi.” Bộ ria của Claude lúc này đã vênh lên.

Ngón tay Dung đang cầm ly nước khế siết chặt. Tôi chỉ mỉm cười. Nụ cười tôi học được từ ba khi nghe một điều sai đến mức không biết nên bắt đầu cãi từ đâu.

Pierre nâng ly chen vào: “Không phải bom nguyên tử, công nghệ gen là thứ nguy hiểm nhất loài người từng tạo ra.” Anh quay sang giáo sư Auguste. “Như giáo sư ngài đây, chúng tôi có thể

trẻ hóa ngài. Ban ngày đẹp trai sáu múi như Batman. Ban đêm hóa thành Joker hoặc bất cứ thứ gì ngài thích, nhưng phần đó thì chúng tôi chưa kiểm soát được.” Cả nhóm cười khoái chí. Claude suýt sặc. Giáo sư Auguste nâng ly về phía Pierre: “Tôi sẽ đăng ký khi các anh kiểm soát được phần đó.” Tiếng cười tan vào tiếng nhạc jazz.

Chỉ Étienne không cười. Anh xoay chân ly giữa hai ngón tay, nhìn phần rượu còn lại rất lâu.

“Trẻ lại không có nghĩa là lấy lại được thứ đã mất.”

Pierre tưởng câu chuyện vẫn chưa hết phần đùa. “Nhưng ít nhất ta có thêm thời gian để tìm.”

Étienne ngược lên. “Nếu biết phải tìm ở đâu.”

Không ai nói gì. Anh nâng ly với cả bàn. “Bỏ qua cho tôi. Tối nay chúng ta không nói về những thứ đã mất. Tương lai luôn đẹp hơn mà.” Anh uống một ngụm. Tiếng cười trở lại, muộn hơn một nhịp.

Tôi quay sang Henri: “Quả trứng trắng trên gác lửng, ông phê bình nó thế nào? Nghệ thuật có cho nó để không?”

Henri trong một thoáng ngạc nhiên đáp lại với vẻ thích thú: “Đề chứ. Nghệ thuật sẽ giúp nó đề ra một con quái vật.”

Étienne phản đối: “Tôi thích nó là một quả trứng hơn. Bởi ta không biết nó sẽ đẻ ra gì.” Một nửa gương mặt Étienne bị tán cây sồi che khuất. “Đó mới là nghệ thuật.”

Mọi cuộc trò chuyện bị ngắt giữa chừng khi một người đàn ông trong trang phục trịnh trọng gõ nhẹ chiếc thìa vào ly rồi cất cao giọng, thu hút sự chú ý của tất cả mọi người:

“Thưa quý ông, quý bà, tôi là Constantin. Thọ làm bánh. Và để tránh mọi hiểu lầm đáng tiếc ngay từ đầu: tiệm bánh của tôi không ở đây. Dù vậy, tôi vẫn xin cảm ơn quý vị đã có mặt tối nay. Không phải ngày nào một thọ làm bánh cũng may mắn được đứng giữa nhiều người ở đây. Những người sở hữu nhiều bất động sản hơn số ổ bánh tôi từng bán. Tôi sẽ không giữ quý vị lâu hơn. Một phần vì phép lịch sự, phần còn lại vì tôi biết rõ không ai đến đây để nghe người làm bánh than phiền. Vậy nên xin được giới thiệu người chủ thực sự của buổi tối nay, Étienne Moreau. Chủ nhân của quả trứng rùa... à không, có lẽ là trứng khủng long đặt trong kia.”

Cả bàn tiệc bật cười trước câu đùa của anh ta rồi lần lượt hướng sự chú ý về phía Étienne theo

cánh tay giới thiệu của Constantin. Étienne bước lên phía trước.

“Cảm ơn Constantin. Người thợ làm bánh của chúng ta, và cũng là một người bạn tuyệt vời. Anh ấy có vài cửa hiệu bánh nho nhỏ ngay ở quận mười sáu. Phải không anh bạn?”

Étienne nói rồi liếc sang Constantin với vẻ mặt đầy ân ý. Tiếng cười chen lẫn vài tiếng xì xào.

“Bữa tiệc hôm nay không được tổ chức vào một dịp đặc biệt nào cả. Nó đơn giản là một buổi kết nối giữa những người bạn của tôi. Ở đây có nhiều người đã quá quen tôi, và có lẽ cũng hơi chán tôi. Nhưng cũng có vài vị chúng ta mới gặp nhau lần đầu. Tôi chỉ mong khu vườn nhỏ này tối nay sẽ không đủ sức chứa sự rục rờ của quý vị. Xin cảm ơn.”

Tiếng vỗ tay vang lên nhanh chóng tan vào tiếng ly chạm nhau và tiếng nhạc jazz quay trở lại như chưa từng bị ngắt quãng. Từng nhóm người bắt đầu tách ra thành những vòng tròn nhỏ. Một vài người tiến đến bắt tay Étienne. Một vài người khác chỉ nâng ly gật đầu từ xa.

Khi Étienne quay lại bàn chúng tôi thì Dung cất giọng. Câu hỏi của cô khiến vài người quanh bàn khựng lại. “Anh quan tâm đến Chăm Pa?”

Étienne nhìn cô, lắc ly rượu hai lần, rượu sóng sánh như sắp tràn ra ngoài. “Có lẽ tôi sẽ không thể giữ lời hứa đến hết buổi tối rồi.” Étienne vừa nói vừa cười.

Dung ngạc nhiên. “Lời gì ạ?”

“Chúng ta không nói về những thứ đã mất.”

Dung đứng hình mất vài giây. Étienne nói tiếp:

“Tôi quan tâm đến những gì bị bỏ quên. Công nghệ tôi xây dựng về cơ bản là tìm lại những thứ tưởng như đã mất.”

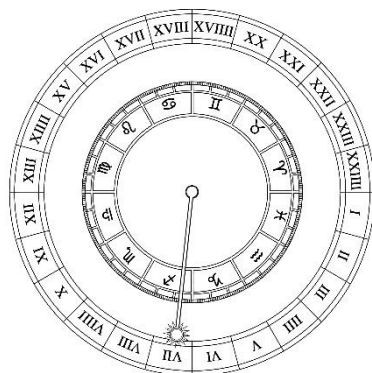
“Vì sao ạ?” Dung hỏi tiếp.

“Một thứ chúng ta chưa tìm thấy không có nghĩa nó chưa từng tồn tại.”

Anh nâng ly với cả bàn: “Nhưng trước hết, hãy tận hưởng bữa tiệc tối nay. Chuyện ấy để sau.” Uống xong một ngụm, Étienne chào cả bàn để đi tiếp các bàn khác, mặc cho tôi nhìn theo.

Một cái tên Pháp nhưng giọng không Pháp. Một quả trứng trắng. Một người đi tìm những thứ bị bỏ quên.

Étienne Moreau là ai?



Trụ sở công ty của Étienne Moreau là một khối kiến trúc khổng lồ bằng kính và thép. Ánh sáng mặt trời chiếu vào làm nó đổi màu xanh lam, nuốt trọn hình bóng những tòa nhà cổ kính xung quanh. Không bảng tên, không khẩu hiệu. Chỉ một biểu tượng ngựa trên nóc: một chiếc đồng hồ hình tròn màu xanh băng, hai kim màu đỏ đồng cứng ở mười một giờ năm mươi chín phút.

Tôi khựng lại một nhịp trước sảnh.

Biểu tượng hình tròn xanh đỏ ấy, không hiểu sao khơi lại cho tôi hình xăm trên cổ François ở sân bay. Chúng không hẳn giống nhau. Nhưng có vẻ ở Paris, người ta thích đùa với những biểu tượng.

Trước khi vào sảnh chính, chúng tôi phải đi qua một cửa quét giống ở sân bay. Có hai nhân

viên an ninh trực ở đó. Họ đều là người da đen. Một người kiểm tra màn hình hệ thống quét. Người còn lại dẫn chúng tôi gửi đồ tại dây tủ khóa cá nhân. Bảng tên trước ngực người này ghi là S. Máne, cái tên trùng với tên một cầu thủ bóng đá nổi tiếng. Anh ta cao khoảng mét tám, đầu trọc, béo đến mức trán lộ rõ ba vết ngấn và không thấy cổ, nặng nề dẫn chúng tôi làm thủ tục tại quầy lễ tân nơi có một cô gái tóc vàng kiêu lười.

Tôi nhìn quanh. Không khí lạnh. Sàn nhà sạch bóng đến mức không tìm thấy một hạt bụi. Ánh sáng trắng pha xanh phủ khắp hành lang. Màn hình cảm ứng được lắp ở mọi nơi. Camera dày đặc. Nhân viên mặc đồng phục trắng lướt qua như những bóng ma. Không ai nói gì.

Vào thang máy, tôi đánh bạo hỏi “Anh là người gốc Senegal?” Máne chỉ cười.

Văn phòng của Étienne nằm cuối hành lang tầng ba mươi. Mặt sàn rộng đến trống trải. Ba mặt tường là những tấm kính cường lực cỡ lớn. Các vách ngăn và hệ cột làm bằng thép không gỉ sáng bóng. Chúng được đặt vào những góc đã được tính toán để phản chiếu qua lại biến căn phòng thành một mê cung thị giác. Mặt còn lại hướng thẳng ra tháp Eiffel rõ nét sừng sững.

Giữa phòng có một chiếc bàn dài chừng sáu mét rộng bốn mét, như một màn hình hai trăm inch nằm ngang. Mặt bàn đen bóng nuốt chửng mọi tia sáng lớn vón quanh nó. Áp trần được lắp một tấm màn điện tử kích thước bằng với mặt bàn, gắn hàng triệu bóng đèn siêu nhỏ chiếu xuống.

Étienne đang đứng quay lưng về phía chúng tôi, một tay rút túi quần, tay kia xoay chiếc bút kim loại, mắt nhìn ra tháp Eiffel qua lớp tường kính. Nghe tiếng chúng tôi đến, anh ta quay lại chào nhanh: “Xin chào giáo sư và hai bạn trẻ. Xem thử ‘vũ trụ nhỏ’ có phim gì?”

Giọng Étienne phảng lảng, vừa đủ lịch sự để không bị coi là lạnh nhạt, nhưng đã gột sạch toàn bộ sự vồn vã của bữa tối hôm qua.

Bốn chúng tôi đứng quanh chiếc bàn mà Étienne gọi là ‘vũ trụ nhỏ’. Dung và Étienne đứng đối diện nhau ở hai cạnh dài. Tôi và giáo sư đứng đối diện nhau ở hai cạnh ngắn.

Étienne giơ cây bút kim loại có ba phím bấm màu xanh lá, vàng, đỏ lên và ấn phím xanh lá.

“Các vị hãy xem Rome của chúng tôi”.

Lập tức hàng triệu điểm sáng từ trên trần đổ xuống mặt bàn như một cơn mưa. Chúng va vào

nhau giữa không trung, kết thành tường đá, mái ngói, cột nhà. Trong chưa đầy năm giây, cả thành Rome được dựng lên hoành tráng trên mặt bàn. Một cỗ xe ngựa lao ngang trước mặt tôi, bánh xe chỉ cách đầu gối vài centimet rồi xuyên qua như thể tôi đứng giữa hai thế giới. Một đứa trẻ chạy vụt theo sau khóc meo máo. Tiếng khóc của nó dội khỏi những bức tường khiến tôi vô thức quay đầu tìm nguồn phát. Không khí trong phòng không thay đổi, nhưng trực giác của tôi đã đầu hàng trước ảo ảnh thành Rome vài giây trước khi lý trí kịp nhắc nhở rằng mọi thứ chỉ là những hạt ánh sáng.

“Các vị thấy thế nào? Tên nó là CHRONOS-9. Một cỗ máy lượng tử có sức mạnh của các vị thần thời gian.”

Giáo sư Auguste nghiêng người về phía trước, đôi mắt sáng lên sau cặp kính. “Công nghệ của loài người đã tiến đến mức này rồi sao?” Dung nhìn chằm vào Rome phấn khích: “Thật không thể tin được.”

Vì tôi đứng đối diện với mặt hướng ra ngoài nên ánh sáng hắt vào khiến khung cảnh bị nhòe đi. Étienne hiểu ý bấm nút màu vàng. Lập tức bức tường kính chuyển màu đen như một tấm rèm

khổng lồ vừa được buông xuống, giữ ánh sáng và tháp Eiffel lại bên ngoài.

Rome hiện ra rõ nét hơn. Một người phụ nữ đang đứng trước quầy cá. Bàn tay bà cầm lên một con cá, nghiêng đầu xem xét rồi đặt xuống. Cử động tự nhiên đến mức nếu không nhìn kỹ, tôi đã tin đó là một đoạn phim thật.

Nhưng rồi tôi bắt đầu đếm. Bốn mươi hai giây sau, người đàn bà lại nhắc đúng con cá ấy lên, nghiêng đầu với cùng một góc độ rồi đặt xuống. Gương mặt không đổi đôi mắt trống rỗng. Đó không phải ánh mắt của một con người đang sống trong khoảnh khắc ấy, mà là ánh mắt của một thuật toán đang đi theo những véc-tơ đã được xác định từ trước.

“Đáng kinh ngạc thật.” Tôi ngẩng lên, nhìn xuyên qua hình ảnh Rome về phía Étienne.

“Còn gì nữa không, Trung?” Étienne hỏi.

“Người phụ nữ ấy có thật không ạ?”

“Không nhất thiết.”

“Vậy con cá?”

“Dữ liệu khảo cổ xác nhận loại cá đó từng được buôn bán tại khu vực này.”

“Cử động bàn tay?”

“Nó là mô phỏng.”

“Còn gương mặt, ánh mắt thì sao ạ?”

Étienne im lặng một giây.

“Là phần hệ thống tự lấp đầy những khoảng trống.”

“Vậy thì đây không phải là một thước phim chiếu lại quá khứ.”

“Chưa.” Étienne mỉm cười. “Hiện tại nó chỉ là phiên bản quá khứ có xác suất cao nhất mà chúng tôi có thể tái dựng từ dữ liệu.”

Dung nhìn tôi rồi quay sang Étienne.

“Nhưng làm sao biết những gì hệ thống dựng nên là đúng? Rằng đó là quá khứ thật chứ không phải một câu chuyện do máy tính bịa ra?”

“Tôi nghĩ Trung có thể trả lời câu hỏi này, phải không?” Étienne vừa nói vừa nhìn qua tôi. Giáo sư và Dung cũng nhìn theo.

Tôi suy nghĩ vài giây.

“Theo em đoán thì CHRONOS-9 không chấp vá dữ liệu một cách ngẫu nhiên. Nó tìm ra quan hệ nhân quả giữa các sự kiện lịch sử. Khi một biến số thay đổi, hệ thống sẽ tính toán xem những hệ quả nào có khả năng xảy ra tiếp theo. Nó

không đoán mò mà suy luận dựa trên dữ liệu và logic nhân quả.”

Étienne vỗ tay một tiếng. Giáo sư dịch người lại gần cạnh bàn hơn. Ông tháo kính ra nhưng khựng lại. Căn phòng quá trống, mặt bàn thành Rome đang chuyển động, ông đành đeo kính trở lại.

“Nói cách khác...” ông chậm rãi hỏi, “nó vẫn chỉ là một giả thuyết về quá khứ?”

“Hiện tại là vậy.” Étienne nhìn xuống thành Rome. “Nhưng nếu chúng tôi có đủ dữ liệu, đủ sức mạnh tính toán thì khoảng sai số ấy sẽ ngày càng nhỏ đi.”

Anh ngẩng lên nhìn thẳng ba chúng tôi.

“Đây sẽ là cánh cửa nhìn ngược về quá khứ. Đó là lý do tôi mời ba người tham gia dự án này. Bởi nó có thể thay đổi hoàn toàn cách nhân loại hiểu về lịch sử.”

“Ý anh là chúng ta sẽ dùng cỗ máy này để dựng lại Châm Pa?” Dung thắc mắc.

“Đúng thế. Nhưng là một Châm Pa mà các vị chưa bao giờ nghĩ tới. Một hạt phấn hoa mắc trong viên gạch có thể cho biết quanh ngôi đền từng mọc loại cây gì. Một vết muội than trên mái ngói Mỹ Sơn có thể kể cách người ta nung gạch.

Một chiếc bình vỡ chỉ còn một phần ba vẫn đủ để hệ thống suy ra hình dáng ban đầu.”

Étienne chỉ vào Rome đang chuyển động. “Lịch sử không biến mất. Nó chỉ vỡ thành hàng triệu mảnh. CHRONOS-9 cố ghép chúng lại một cách chân thực nhất.”

Dung không hỏi thêm. Cô lặng nhìn khối ánh sáng, nơi người đàn bà vẫn bốc cá theo chu kỳ bốn mươi hai giây.

Étienne bấm nút đỏ, Rome tắt phụt. Bức tường kính tự động mở ra. Ánh sáng bên ngoài tràn vào. Tháp Eiffel lại hiện ra sừng sững.

Étienne nhìn giáo sư, giơ hai cánh tay ra phía trước như một lời mời: “Lịch sử cần các vị. Chăm Pa cần các vị. CHRONOS-9 cần các vị.”

Giáo sư Auguste không đáp ngay. Ông đi lại tại chỗ vài bước: “Nếu CHRONOS-9 cho kết quả phủ nhận những gì sử học đang tin thì sao?”

Étienne trả lời rất nhanh: “Thì ta công bố nó.”

Lần này giáo sư nhìn anh ta lâu hơn. “Vậy thì cậu chưa hiểu con người sợ sự thật hơn là sợ sai.”

Étienne không trả lời ngay. Anh ta chậm rãi bước về phía bức tường kính, nhìn dòng người nhỏ như những chấm đen bên dưới đường phố Paris.

“Một cỗ máy chỉ giỏi tính toán xác suất sẽ luôn cho ra một lịch sử vô cảm. Đó là lý do dự án này không thể chỉ sống bằng thuật toán.”

Anh ta xoay người lại, ánh mắt dừng ở Giáo sư Auguste.

“Giáo sư sẽ là điểm tựa giữ cho CHRONOS-9 không rơi vào ảo tưởng. Tôi cần sự hoài nghi của ngài. Một sự hoài nghi đủ khắt khe để bác bỏ cỗ máy bất cứ khi nào nó bắt đầu bịa đặt.”

Ánh mắt Étienne lướt sang Dung.

“Dung mang đến thứ dữ liệu không nằm trong văn bản. Ký ức về vùng đất, về màu đất ngói Mỹ Sơn hay cảm giác của một người lớn lên ở đó. Máy tính không biết cảm nhận cái nắng của miền trung Việt Nam.”

Rồi anh dừng lại trước mặt tôi.

“Còn Trung... cậu hiểu ngôn ngữ của cả hai bên. Cậu biết cách dịch suy nghĩ của con người sang logic mà CHRONOS-9 có thể tiêu hóa được.”

Anh dừng lại một nhịp, giọng hạ thấp xuống: “Chúng tôi không cần những người tin ngay vào cỗ máy. Chúng tôi cần những người thách thức nó.”

Giáo sư im lặng một lúc.

“Tôi tham gia dự án này với một điều kiện: mọi kết luận của máy phải được kiểm chứng bằng phương pháp luận truyền thống. Xác suất không phải sự thật.”

“Chắc chắn rồi. Cảm ơn ngài đã rộng lượng với công nghệ, thưa giáo sư.”

Étienne gọi nhân viên mở một ngăn tủ âm tường được giấu kín đáo, lấy ra một chiếc laptop và một chiếc hộp nhỏ.

“Trung, cậu có thể kết nối với CHRONOS-9 bằng chiếc laptop này bất cứ ở đâu miễn là có internet.”

Người nhân viên mở chiếc hộp, lấy ra một cái kính. Trên gọng kính có một nút bấm nhỏ dùng để bật và tắt. Tròng kính phủ một lớp ánh xanh nhạt có thể quét toàn bộ vùng không gian Dung nhìn và thu lại giọng nói của cô. Dữ liệu được truyền không dây đến laptop và nhập vào hệ thống CHRONOS-9.

Trong lúc chúng tôi đang học cách sử dụng thiết bị thì giáo sư đứng trầm ngâm trước bức tường kính nhìn về tháp Eiffel. Étienne bước tới chỗ ông đứng. “Ban đầu, CHRONOS-9 chỉ được thiết kế để tái dựng các vụ tai nạn và mất tích. Nhưng trong quá trình phát triển, chúng tôi nhận ra hệ thống này có thể làm được nhiều hơn thế.

Đây là cơ hội để loài người tiệm cận sự thật theo một cách khác, thừa giáo sư.”

“Tháp Eiffel từng bị giới trí thức Pháp coi là một quái vật bằng sắt xúc phạm vẻ đẹp thành phố... trước khi nó trở thành biểu tượng. Tôi hy vọng cỗ máy của cậu cũng sẽ đi theo con đường đó, chứ không phải một đồng sắt vụn kiêu ngạo.”

Chúng tôi ra khỏi tòa nhà khi mặt trời đã đứng bóng. Paris vẫn như cũ, nhộn nhịp, dừng đọng. Nhưng với tôi thành phố vừa xê dịch đi một chút. Chỉ cần tôi mở chiếc laptop, đọc dòng lệnh đầu tiên của CHRONOS-9, tôi sẽ bước vào một thế giới khác.